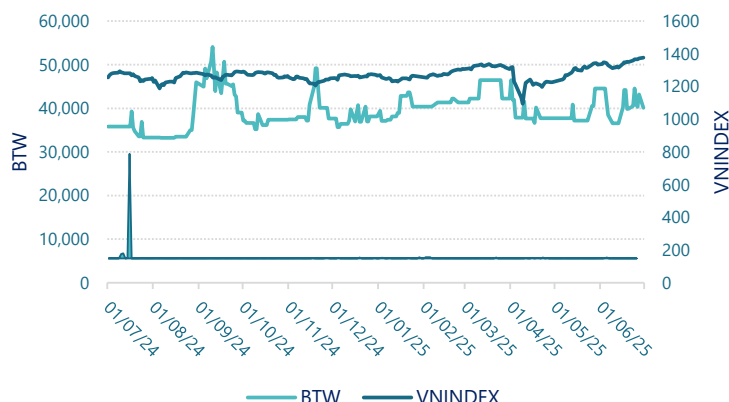


CTCP Cấp nước Bến Thành (HNX: BTW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	40,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	54,065
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	33,219
SL cổ phiếu LH	9,360,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	19,280
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	381
P/E	11.6
EPS	3,518

DT thuần

Q2/25

140

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.00 | 4.1%

YoY: ▼ 1.00 | -1.0%

LN sau thuế

Q2/25

9.04

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 9.86 | -52.2%

YoY: ▼ 9.16 | -50.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

8.2%

+/- YoY: ▼ 8.0%

DT thuần

6T 2025

274

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 6.00 | -2.3%

LN sau thuế

6T 2025

28.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 14.1 | -33.6%

ROE

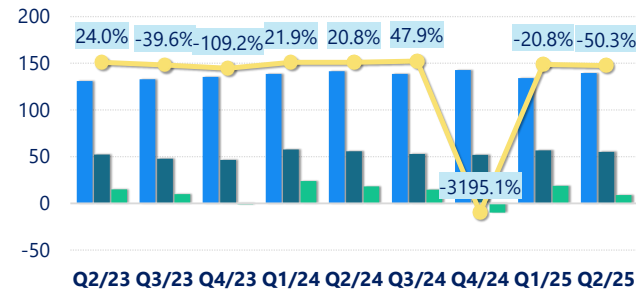
Q2/25

13.2%

+/- YoY: ▼ 7.2%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

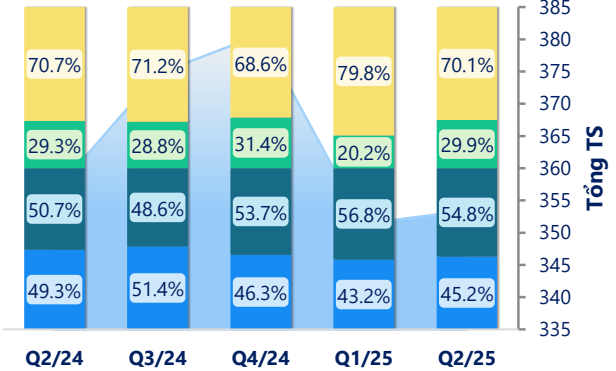


Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

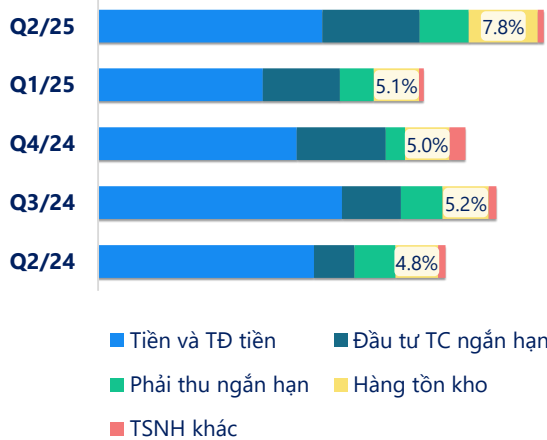
tỷ VNĐ



Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

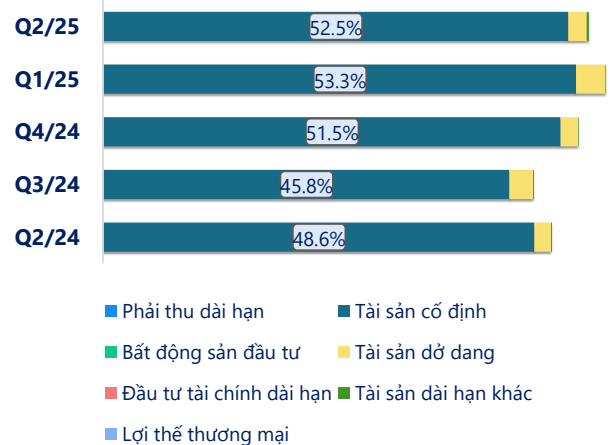
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

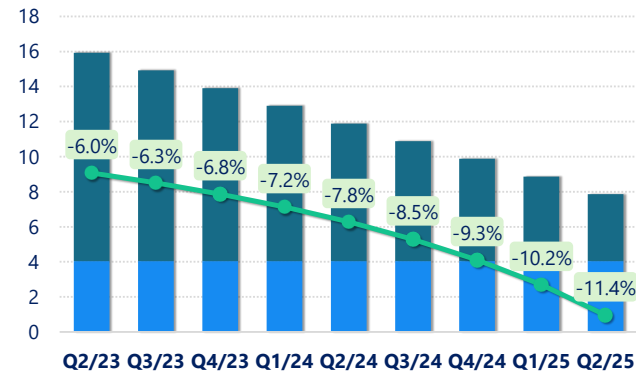
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay

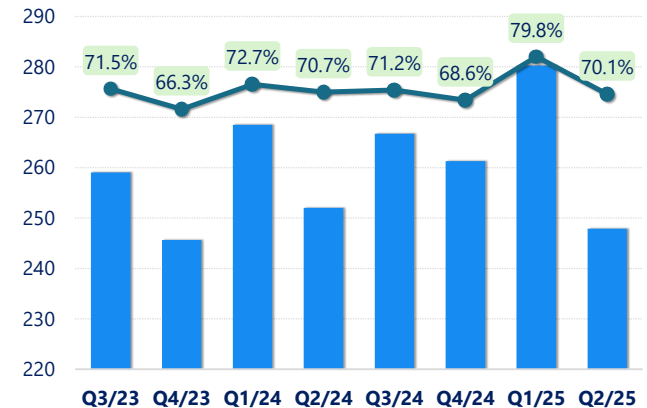


Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

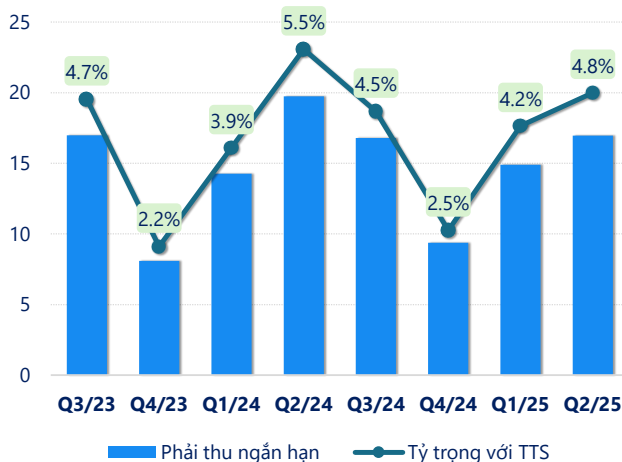
Vốn chủ sở hữu



Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

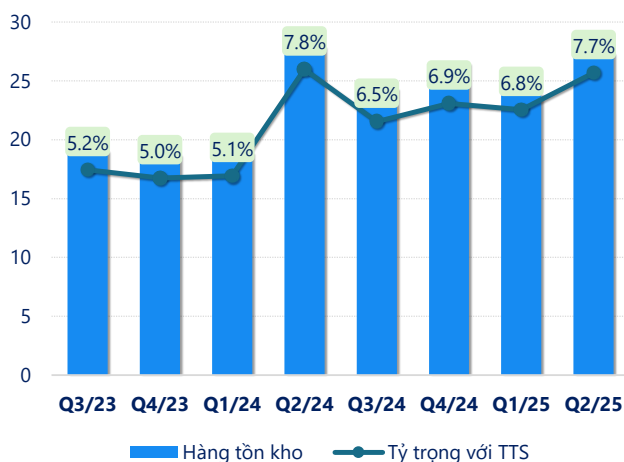
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


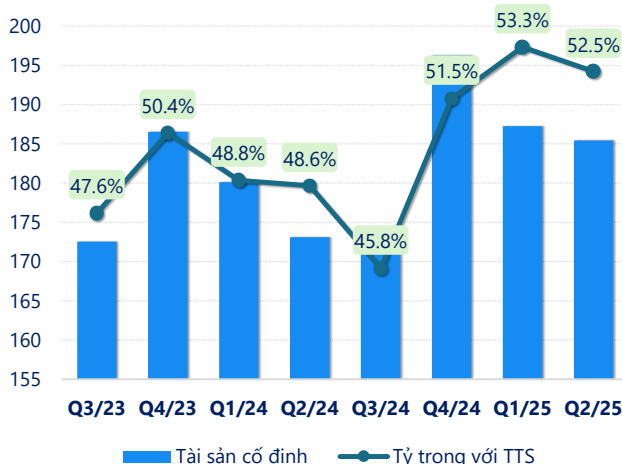
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


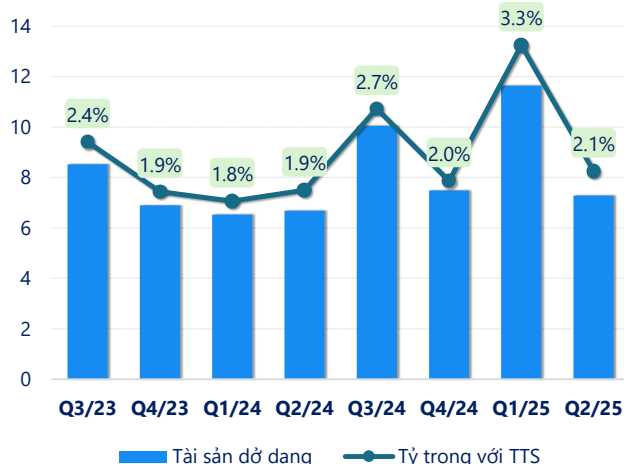
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

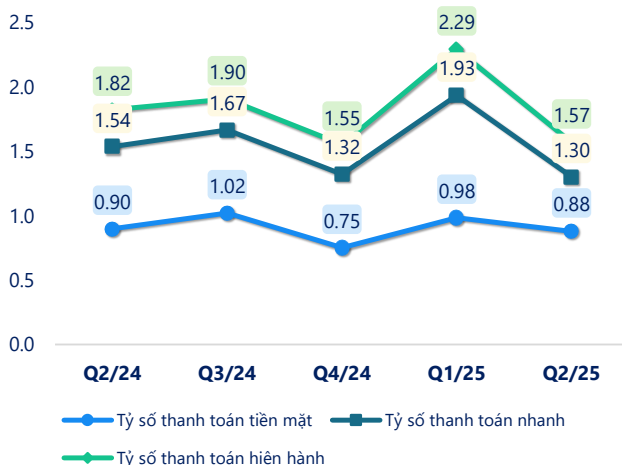
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

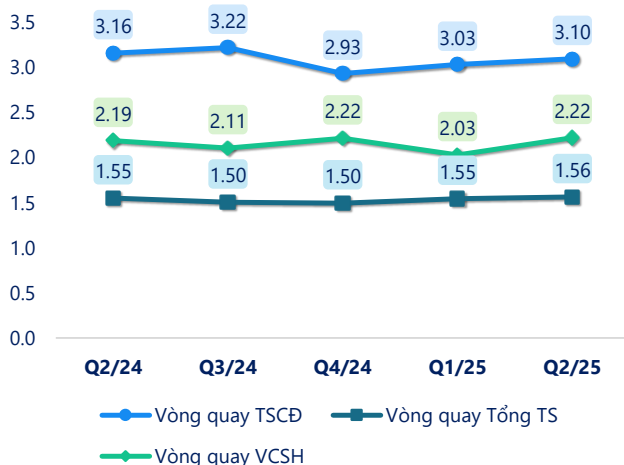
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	356	375	381	351	353
Tài sản ngắn hạn	176	192	176	152	160
Tiền và tương đương tiền	86.8	103	85.4	65.3	89.4
Đầu tư tài chính ngắn hạn	39.2	44.2	46.2	41.1	21.1
Phải thu ngắn hạn	19.7	16.8	9.37	14.9	17.0
Hàng tồn kho	27.8	24.2	26.4	23.8	27.2
Tài sản ngắn hạn khác	2.34	4.14	9.06	6.87	4.92
Tài sản dài hạn	180	182	204	199	194
Phải thu dài hạn	0.37	0.37	0.37	0.37	0.18
Tài sản cố định	173	171	196	187	185
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	6.68	10.0	7.49	11.6	7.29
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.36	0.33	0.23	0.20	0.93
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	104	108	119	71.1	106
Nợ ngắn hạn	96.4	101	114	66.3	102
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.03	4.03	4.03	4.03	4.03
Phải trả người bán ngắn hạn	29.2	29.4	66.5	29.5	29.0
Nợ dài hạn	7.86	6.85	5.84	4.84	3.83
Vay và nợ thuê dài hạn	7.86	6.85	5.84	4.84	3.83
Nguồn vốn chủ sở hữu	252	267	261	280	248
Vốn chủ sở hữu	252	267	261	280	248
Vốn điều lệ	93.6	93.6	93.6	93.6	93.6
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)